

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD03237**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Thiết kế trình diễn trên máy tính**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030417	Trần Văn Thanh	Bình	07/11/2009				9	8.0	7.5	8.0		7.0		7.4
2	2454802030418	Phan Thị Ngọc	Đá	31/05/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2454802030419	Trần Nguyễn Thị Kim	Đào	30/08/2009				9	9.0	9.0	8.0		9.0		8.9
4	2454802030420	Trịnh Thị Hồng	Đào	07/12/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
5	2454802030421	Phạm Văn	Ha	17/07/2009				7	8.0	8.0	7.0		9.0		8.4
6	2454802030422	Phạm Võ Khắc	Hào	13/03/2009				8.5	9.0	10.0	10.0		8.5		8.9
7	2454802030423	Trần Nhựt	Hào	02/07/2009				9	9.5	9.5	9.0		8.5		8.8
8	2454802030424	Võ Lê Minh	Hiếu	14/08/2009				7	8.0	8.0	9.0		8.0		8.1
9	2454802030425	Võ Nguyễn Hoàng	Huy	17/02/2009				8	9.0	8.5	7.0		8.0		8.1
10	2454802030426	Lương Thị Mỹ	Huyền	26/10/2009				8	7.0	9.0	8.0		7.5		7.7
11	2454802030427	Trần Văn	Khải	17/06/2008				8.5	9.0	8.5	9.5		9.5		9.3
12	2454802030428	Phạm Trần	Khang	21/08/2009				7	8.0	9.5	9.0		9.0		8.8
13	2454802030429	Thái Gia	Khang	06/12/2009				8.5	7.0	9.0	9.0		7.0		7.5
14	2454802030430	Hồ Lê Minh	Khoa	09/09/2008				6	7.5	7.5	7.0		5.5		6.2
15	2454802030431	Phạm Hoàng	Nam	09/03/2009				7	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.4
16	2454802030432	Phan Thủy Ngọc	Ngân	31/08/2009				8	7.5	7.0	7.0		7.5		7.4
17	2454802030433	Trần Trí	Nghĩa	01/12/2009				9	9.0	10.0	9.5		9.0		9.2
18	2454802030434	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	31/10/2009				8	6.0	7.5	8.0		8.5		8.0
19	2454802030435	Nguyễn Thái	Nguyên	10/07/2008				7	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.4
20	2454802030436	Nguyễn Thị Tố	Như	06/08/2008				7.5	7.0	0.0	0.0		0.0	0.0	1.2
21	2454802030437	Võ Minh	Nhựt	27/02/2009				9	9.0	8.5	9.5		8.0		8.4
22	2454802030438	Phan Trương Nhật	Phát	29/11/2008				9	8.5	8.5	8.0		7.0		7.6
23	2454802030439	Trần Quốc	Phong	06/10/2009				8.5	7.0	7.0	8.0		7.0		7.2
24	2454802030440	Trần Văn Phú	Quý	12/01/2009				7	7.0	7.0	8.5		9.5		8.7
25	2454802030441	Nguyễn Thành Đạt	Runi	23/12/2009				7	7.0	8.0	8.0		5.0		6.0
26	2454802030442	Phạm Văn	Sang	27/03/2003				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
27	2454802030443	Võ Phước	Tài	14/10/2009				8.5	7.0	8.5	7.0		6.0		6.7
28	2454802030444	Nguyễn Quốc	Thanh	26/09/2009				8	8.5	9.5	9.0		9.0		8.9
29	2454802030445	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Thư	24/07/2008				7	7.0	0.0	0.0		0.0	0.0	1.2
30	2454802030446	Trần Thị Minh	Thư	28/08/2008				7	7.0	7.0	6.0		7.0		6.9
31	2454802030447	Phạm Chí	Thựt	21/03/2009				8.5	7.0	9.5	9.0		9.5		9.1
32	2454802030448	Nguyễn Trí	Toàn	03/03/2009				7.5	7.0	8.0	9.0		5.0		6.2
33	2454802030449	Ngô Thị Thanh	Trúc	26/12/2009				7	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3
34	2454802030450	Thiều Thanh	Tường	27/03/2009				8.5	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7
35	2454802030451	Trần Ngọc Cát	Tường	10/01/2008				9	9.0	8.5	7.0		9.5		9.0
36	2454802030452	Trần Thị Bảo	Uyên	04/09/2009				8.5	8.0	7.5	7.0		8.0		7.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030453	Trần Nguyễn Duy Vũ	03/04/2009				8	8.5	9.0	9.0		9.5		9.2
38	2454802030454	Trần Ý Ý	07/11/2008				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 8 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Thị Thanh Thúy